

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ**

TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Bản án số: 08 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/02/2018

(V/v ly hôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tôn Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vy
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thanh- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Dương Phước An - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2017/ TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/QĐXX- ST ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1979; trú tại: số 34 đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1978; trú tại: số 34 đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2017 của chị Lê Thị Thu T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Bá H kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 10 năm, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và anh H, chị T đã đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố H ngày 18/01/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở nhà cha mẹ anh H tại số 34 đường T, phường A, thành phố H. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc được khoảng 5 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ham chơi theo bạn và sống không có trách nhiệm với vợ con, mặc khác vợ chồng anh H,

chị T tính tình không hợp nhau nên thường xuyên có xảy ra cãi vã, kéo dài và không khắc phục được, vì vậy anh H và chị T sống không hạnh phúc. Vì hạnh phúc gia đình chị T nhiều lần bỏ qua mâu thuẫn để vợ chồng sống hạnh phúc, cũng như cha mẹ hai bên động viên chị T, anh H trở lại thương yêu nhau song không có kết quả. Tháng 11/2016 do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng nên anh H vào thành phố T, tỉnh Khánh Hòa làm ăn không cho biết địa chỉ. Vợ chồng khi có việc thì liên lạc bằng điện thoại và chị T có hỏi địa chỉ thì anh H không cung cấp, việc chị T xin ly hôn anh H, anh H nói là tùy chị T ưa làm gì thì làm và tùy Tòa án quyết định. Vì vợ chồng sống không còn hạnh phúc, chị T không còn tình cảm với anh H nữa, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T, anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 01/01/2006, chị T xin trực tiếp nuôi con chung đến trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn (anh Nguyễn Bá H): Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh H, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập lần thứ hai cho anh H đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh H vắng mặt.

Phía gia đình anh H khai: Vợ chồng mâu thuẫn do anh H không có trách nhiệm, tài sản chung và nợ chung không có gì. Các giấy tờ Tòa án giao, gia đình đã thông báo qua điện thoại hoặc fax cho anh H biết và anh H trả lời việc chị T yêu cầu ly hôn tùy Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và giao cháu Nguyễn Thùy T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không đóng góp tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự:

Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Bá H lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Bá H kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố H vào ngày 18/01/2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, anh H không quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con. Từ tháng 11/2016 đến nay anh H, chị T đã sống ly thân. Vì vậy, chị T không còn tình cảm yêu thương anh H nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh H đến trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh không đến. Điều này cho thấy anh H không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của mình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh H.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 01/01/2006 đang sống với mẹ, ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ và chị T xin trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị có thu nhập ổn định 8,807,642 đồng/tháng. Xét thấy nguyện vọng của chị T và cháu T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1/Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Bá H.

2/Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 01/01/2006 cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh H không phải đóng góp tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Bá H và chị Lê Thị Thu T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng nhưng chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2013/ 002980 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H nên không phải nộp.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- UBND phường A, thành phố H;
- Đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Minh Hiền

Huế, ngày 16 tháng 02 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tuyết Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy và bà Trần Bích Thủy

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vào hồi giờ phút ngày 16 tháng 02 năm 2017 tại phòng nghị án .
Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự : Trần Quang
Thắng “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1.Về tội danh: Bị cáo Trần Quang Thắng (tên khác: Cu Ba) phạm tội” Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về điều luật áp dụng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140. Các điểm b, p khoản Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự ; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 22 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH 12.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Quang Thắng về tội” Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 21/10/2016.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4.Các vấn đề khác:

Về xử lý vật chứng: Đã trả lại cho chủ sở hữu , không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

